

**CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG GIA HÀ ĐÔNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG GIA HÀ ĐÔNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ROYAL HA DONG JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ROYAL HA DONG JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110668047

**3. Ngày thành lập:** 29/03/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 1, Căn hộ LK2B-10 Dự án khu nhà liền kề Khu đô thị Mỗ Lao, Phường Mỗ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0977816666

Fax:

Email: [duchoanggiahadong@gmail.com](mailto:duchoanggiahadong@gmail.com) Website: m

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                  | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                      | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                             | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                             | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                        | 4390        |
| 5.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                         | 4632        |
| 6.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                           | 4633        |
| 7.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                               | 4661        |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                    | 4663        |
| 9.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                  | 8230        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ tốc ký công cộng;<br>- Dịch vụ sắp xếp thư;<br>- Dịch vụ thu tiền đỗ xe. | 8299        |
| 11. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                                                                      | 6810(Chính) |
| 12. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                               | 6820        |

|     |                                                                                                                                                             |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ các dịch vụ tư vấn tài chính, kiểm toán, chứng khoán, bảo hiểm và tư vấn pháp lý)                                          | 7020 |
| 14. | Quảng cáo                                                                                                                                                   | 7310 |
| 15. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                             | 0810 |
| 16. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                              | 4933 |
| 17. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                 | 5210 |
| 18. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                     | 5225 |
| 19. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(Không gồm hoạt động kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)                                           | 5610 |
| 20. | Dịch vụ ăn uống khác<br>(Không gồm hoạt động kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)                                                                       | 5629 |
| 21. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm | 7810 |
| 22. | Đại lý du lịch                                                                                                                                              | 7911 |
| 23. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                         | 7990 |
| 24. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                       | 8121 |
| 25. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                           | 8129 |
| 26. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                       | 8130 |
| 27. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                       | 8211 |
| 28. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                    | 8219 |
| 29. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                           | 4101 |
| 30. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                     | 4102 |
| 31. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                               | 4211 |
| 32. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                | 4212 |
| 33. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                    | 4221 |
| 34. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                         | 4222 |
| 35. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                          | 4223 |
| 36. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                           | 4229 |
| 37. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                    | 4291 |
| 38. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                             | 4292 |
| 39. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                       | 4293 |
| 40. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                  | 4299 |
| 41. | Phá dỡ<br>(Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)                                                                                             | 4311 |

|     |                                                                                                      |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 42. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)                           | 4312 |
| 43. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                | 4321 |
| 44. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752 |

6. **Vốn điều lệ:** 1.800.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 180.000.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                                                                     | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                          | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần  | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | CÔNG TY CỔ<br>PHẦN TẬP<br>ĐOÀN ĐẦU<br>TƯ XÂY<br>DỰNG VÀ DU<br>LỊCH HOÀNG<br>GIA | 1030/9/10 Lê<br>Hồng Phong,<br>Phường Phước<br>Long, Thành phố<br>Nha Trang, Tỉnh<br>Khánh Hòa, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 90.000.<br>000 | 900.000.000.00<br>0      | 50,000       | 4201981536                                                                                                             |            |
|     |                                                                                 |                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0              | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                                 |                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0              | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                                 |                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0              | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                                 |                                                                                                             | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0              | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                                 |                                                                                                             | Tổng số                            | 90.000.<br>000 | 900.000.000.00<br>0      | 50,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                                 |                                                                                                             |                                    |                |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                  |                                                                                                       |                           |            |                 |        |              |
|---|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------|--------|--------------|
| 2 | CHU THỊ MINH TRÍ | A0401 Tòa nhà Viglacera – Thăng Long N01, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 18.000.000 | 180.000.000.000 | 10,000 | 040176000730 |
|   |                  |                                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                       | Tổng số                   | 18.000.000 | 180.000.000.000 | 10,000 |              |
|   |                  |                                                                                                       |                           |            |                 |        |              |
| 3 | NGUYỄN HỮU ĐƯỜNG | 4/3B1 Khu phố 5, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam                          | Cổ phần phổ thông         | 36.000.000 | 360.000.000.000 | 20,000 | 001076069243 |
|   |                  |                                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                       | Tổng số                   | 36.000.000 | 360.000.000.000 | 20,000 |              |
|   |                  |                                                                                                       |                           |            |                 |        |              |
| 4 | PHẠM MAI HOA     | Tổ 28, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                   | Cổ phần phổ thông         | 18.000.000 | 180.000.000.000 | 10,000 | 038182018549 |
|   |                  |                                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                       | Tổng số                   | 18.000.000 | 180.000.000.000 | 10,000 |              |
|   |                  |                                                                                                       |                           |            |                 |        |              |

|   |                              |                                                                                             |                                    |                |                     |        |                  |
|---|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------|---------------------|--------|------------------|
| 5 | NGUYỄN<br>NGỌC<br>TRƯỜNG HẢI | 133/4 Hồ Văn<br>Huê, Phường 09,<br>Quận Phú Nhuận,<br>Thành phố Hồ<br>Chí Minh, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 18.000.<br>000 | 180.000.000.00<br>0 | 10,000 | 0510720002<br>87 |
|   |                              |                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0              | 0                   | 0,000  |                  |
|   |                              |                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0              | 0                   | 0,000  |                  |
|   |                              |                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0              | 0                   | 0,000  |                  |
|   |                              |                                                                                             | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0              | 0                   | 0,000  |                  |
|   |                              |                                                                                             | Tổng số                            | 18.000.<br>000 | 180.000.000.00<br>0 | 10,000 |                  |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài , nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ VĂN ĐỨC

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 24/10/1969

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030069007017

Ngày cấp: 10/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: TDP Thanh Giã, Phường Khai Quang, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P2101, Tòa nhà N01B Golden Land, 275 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội